

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2022/DS-PT  
Ngày: 29 - 11 - 2022  
V/v tranh chấp: “Hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- T1 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

*Các Thẩm phán:* Ông **Trần Văn Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Võ Tr Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 25 tháng 03 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 270/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị V, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn MP, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981. (Có mặt).

Địa chỉ: Số 25/1 ĐTN, Phường 5, T1 phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 12/10/2017)

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1967 (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1971 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn MP, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:*

1. Anh Trần Văn M, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn MP, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

2. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn MP, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Ph – Chi Cục trưởng

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm: 1980 –  
Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang  
(Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Trọng Th - Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh  
Tiền Giang. (Vắng mặt).

2. Ông Võ Văn T1, sinh năm: 1957 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 5, phường 9, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Lê Thị B, sinh năm: 1953 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5B, xã PC, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

4. Bà Lê Thị C, sinh năm: 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn MP, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà Lê Thị H, sinh năm: 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Long T1 B, xã BL, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Lê Thị V.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Nguyễn Hoàng A trình bày:* Vào ngày 07/5/2002, ông Tr và bà H chuyển nhượng phần đất là tài sản chung của gia đình cho bà Nguyễn Thị Hồng. Sau khi chuyển nhượng ông Tr và bà H không thực hiện được việc giao đất nên hai bên phát sinh tranh chấp khởi kiện đến Tòa án. Căn cứ bản án số 148/2014/DS-PT ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thì ông Tr và bà H có nghĩa vụ thi hành số tiền 249.783.600 đồng cho bà Nguyễn Thị Hồng. Quá trình thi hành án do ông Tr không có tiền thi hành án nên nhờ bà V mượn tiền để ông Tr nộp tiền thi hành án cho bà Hồng. Sau đó bà V có vay tiền của ông Võ Văn T1 số tiền 250.000.000 đồng để đưa cho ông Tr. Bà V nhận tiền từ ông T1 và đưa hết số tiền cho ông Tr để nộp thi hành án. Do ông Tr chậm thi hành án nên phải chịu lãi suất chậm thi hành là 30.000.000 đồng. Bà V đưa cho Trần Văn M (con bà V) số tiền 30.000.000 đồng để nộp thi hành án. Tổng cộng số tiền bà V

cho ông Tr mượn để thi hành án là 280.000.000 đồng. Khi nộp tiền thi hành án lần đầu con bà V là Trần Văn M chở ông Tr đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước nộp, biên lai nộp tiền do ông Tr ký tên. Lần sau do thiếu tiền lãi suất chậm thi hành án nên bà V đưa tiền cho anh M nộp. Do chỗ chị em ruột nên bà V không yêu cầu ông Tr viết biên nhận, sau khi thi hành án xong ông Tr không trả số tiền trên cho bà V nên phát sinh tranh chấp. Nay bà V yêu cầu ông Tr và bà H trả cho bà số tiền gồm 280.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi tính từ 21/01/2015 đến khi xét xử sơ thẩm tạm tính đến 21/02/2021 là 339.304.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 619.304.000 đồng. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ông Tr, bà H không trả số tiền trên thì phải chịu lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn ông Lê Văn Tr trình bày:* Số tiền thi hành bản án số 148/2014/DS-PT ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang là tiền của ông và bà H. Ông không có mượn tiền của bà V nên không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà V. Ông là người trực tiếp đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước nộp tiền 02 lần và ký vào phiếu thu. Nay bà V khởi kiện yêu cầu ông và bà H trả số tiền 280.000.000 đồng và lãi suất, ông không đồng ý.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:* Bà là vợ của ông Tr, bà thống nhất lời trình bày của ông Tr. Bà và ông Tr không có vay tiền của bà V nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà V.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn M trình bày:* Anh là con của bà Lê Thị V và là cháu gọi ông Tr là cậu ruột. Anh và ông Tr là người trực tiếp đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước để nộp số tiền 250.000.000 đồng để thi hành bản án dân sự phúc thẩm số 148/2014/DS-PT ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Ông Tr là người trực tiếp ký vào biên lai nộp tiền, số tiền ông Tr nộp thi hành án là tiền của bà V vay của ông T1 để cho ông Tr mượn lại. Sau đó, bà V đưa tiền anh đến Chi cục Thi hành án dân sự nộp tiếp số tiền 30.000.000 đồng lãi suất do ông Tr, bà H chậm thi hành án.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang:* Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước đã thi hành đúng và hoàn tất Bản án dân sự phúc thẩm số 148/2014/DS-PT ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê Thị V và ông Lê Văn Tr bà Nguyễn Thị Bích H yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước không có ý kiến gì.

*Người làm chứng ông Nguyễn Trọng Th trình bày:* Trước đây, ông là chấp

hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước được phân công thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 148/2014/DS-PT ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Theo nội dung bản án “ông Tr và bà H L đời thực hiện nghĩa vụ trả giá trị hợp đồng và bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng tổng số tiền 249.783.600 đồng, thực hiện một lần khi án có hiệu lực pháp luật”. Sau khi thụ lý thì các bên đã thi hành xong nghĩa vụ nộp tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước và Chấp hành viên thu tiền bằng biên lai của Chi cục, nộp tiền làm ba lần: lần thứ nhất là 200.000.000 đồng còn hai lần tiếp theo ông không nhớ rõ số tiền và họ tên người nộp do quá lâu. Quá trình thi hành án ông có đến nhà và trao đổi với bà V vì bà V có nói sẽ nộp tiền thi hành án thay cho ông Tr và bà H để giữ đất cho gia đình, khi ông đến nhà bà V thì thấy ông T1 có cầm tiền trên tay, còn việc ông T1 cầm bao nhiêu tiền, ông T1 cầm tiền cho ai mượn hay sử dụng với mục đích gì thì ông không biết.

*Người làm chứng ông Võ Văn T1 trình bày:* Ngày 21/01/2015, ông có đem 250.000.000 đồng đến nhà bà Lê Thị V để cho bà V vay, ông chỉ cho bà V vay tiền còn bà V vay tiền làm gì thì ông không biết, tại nhà bà V ông có gặp ông Nguyễn Trọng Th.

*Người làm chứng bà Lê Thị B, Lê Thị C, Lê Thị H thống nhất trình bày:* Ông Lê Văn Tr và bà Nguyễn Thị Bích H không có vay tiền của bà Lê Thị V để nộp tiền thi hành án, tiền ông Tr và bà H nộp thi hành án là tiền của ông Tr. Do các chị em trong gia đình thống nhất ủy quyền cho bà Lê Thị V đứng tên quyền sử dụng đất mà ông Tr chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Hồng nên bà V phải nộp lãi chậm thi hành án cho Chi cục Thi hành án mới làm thủ tục đứng tên và ông Tr phải giao hai biên lai thu tiền trước đó cho bà V để bà V làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Lê Văn Tr và bà Nguyễn Thị Bích H trả cho bà Lê Thị V số tiền tổng cộng là 679.728.000 đồng gồm 280.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo mức lãi 1,66%/tháng tính từ 21/01/2015 đến 21/3/2022 là 399.728.000 đồng. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án dân sự thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 5 Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, khoản 1, 2,3 Điều 228; Khoản 2 Điều 229. Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V.

Buộc ông Lê Văn Tr và bà Nguyễn Thị Bích H trả cho bà Lê Thị V số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và 18.853.000 đồng lãi suất. Tổng cộng ông Tr và bà H phải trả cho bà V số tiền là 48.853.000 đồng. Thi hành án một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 1/4/2022, nguyên đơn Lê Thị V có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật; Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị V lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ và phù hợp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan anh Trần Văn M mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh M vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với anh M.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị V yêu cầu ông Lê Văn Tr và bà Nguyễn Thị Bích H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn vay là 280.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 21/01/2015 đến ngày 21/3/2022 là 399.728.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Để chứng M cho yêu cầu này, bà V cho rằng vào năm 2014 ông Lê Văn Tr và bà Nguyễn Thị Bích H có nghĩa vụ thi hành bản án dân sự phúc thẩm số 148/2014/DS-PT ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang với số tiền là 249.783.600 đồng tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Phước nhưng do ông Tr, bà H không thi hành án nên bà đã vay của ông Võ Văn T1 số tiền 250.000.000 đồng cho ông Tr mượn để nộp thi hành án, ngoài ra bà còn đưa cho con của bà là anh Trần Văn M số tiền 30.000.000 đồng để nộp thay cho ông Tr, bà H số tiền lãi phát sinh do chậm thi hành án. Tổng cộng bà cho ông Tr mượn là 280.000.000 đồng. Sau khi thi hành án xong ông Tr, bà H không trả cho bà số tiền trên nên phát sinh tranh chấp.

Ông Tr cho rằng số tiền thi hành bản án số 148/2014/DS-PT ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang là tiền của ông và bà H, ông không mượn tiền của bà V nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà V.

Án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà V, buộc ông Tr, bà H có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 18.853.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Bà V không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Theo quyết định tại bản án dân sự phúc thẩm số 148/2014/DS-PT ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thì ông Lê Văn Tr và bà Nguyễn Thị Bích H có nghĩa vụ L đới trả giá trị hợp đồng và bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng số tiền là 249.783.600 đồng, thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Sau đó Chi cục Thi hành án huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tổ chức thi hành bản án nêu trên theo yêu cầu của bà Hồng. Tại các biên bản giải quyết việc thi hành án (Bút lục 93) sau khi chấp hành viên giải thích quyền và nghĩa vụ về thi hành án cho các ông, bà: Lê Thị B, Lê Thị Mừng, Lê Thị Hát, Lê Thị Ca, Lê Thị V và Lê Văn Tr thì bà Lê Thị V đã tự nguyện đồng ý nộp số tiền án phí là 12.489.180 đồng thay cho ông Lê Văn Tr và bà Nguyễn Thị Bích H. Đối với số tiền ông Tr và bà H phải thi hành là 249.783.600 đồng, bà V, bà B, bà M, bà H, bà C và ông Tr đồng ý giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước kê biên, xử lý tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 590,6m<sup>2</sup> là tài sản chung của các ông, bà để thi hành án thay cho ông Tr và bà H. Tại các biên lai thu số 0046154 ngày 21/01/2015 với số tiền án phí là 12.489.180 đồng

và biên lai thu số 09353 ngày 21/01/2015 với số tiền bồi thường là 237.500.000 đồng đều do ông Lê Văn Tr là người nộp tiền và ký tên.

[3.2] Đối với số tiền 30.000.000 đồng bà V khai bà đưa cho anh Trần Văn M (con ruột của bà) đến Chi cục Thi hành án huyện Tân Phước nộp đối với phần lãi chậm thi hành án. Thực tế khoản tiền này được thể hiện bằng hai biên lai nộp tiền thi hành án số 09373 ngày 04/4/2015 với số tiền là 20.000.000 đồng và biên lai thu số 09458 ngày 27/5/2015 với số tiền là 10.004.911 đồng thể hiện rõ Trần Văn M nộp thay cho Lê Văn Tr. Hơn nữa lời khai của những người làm chứng được thể hiện trong hồ sơ như:

- Ông Nguyễn Trọng Th khai “.. Sau khi thụ lý thì các bên đã thi hành xong nghĩa vụ nộp tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước và Chấp hành viên thu tiền bằng biên lai của Chi cục, nộp tiền 03 lần: lần thứ nhất là 200.000.000 đồng, còn hai lần tiếp theo ông không nhớ rõ số tiền và họ tên người nộp”.

- Ông Võ Văn T1 khai: Vào ngày 21/01/2015 ông có đem 250.000.000 đồng đến nhà bà Lê Thị V để cho bà V vay, ông chỉ cho bà V vay tiền còn bà V vay tiền làm gì ông không biết.

- Các bà Lê Thị B, Lê Thị M, Lê Thị C, Lê Thị H cùng thống nhất khai: Do các anh chị em trong gia đình thống nhất cùng ủy quyền cho bà Lê Thị V đứng tên quyền sử dụng phần đất mà ông Lê Văn Tr chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Hồng nên bà V phải nộp tiền lãi chậm trả cho thi hành án mới được làm thủ tục đứng tên và ông Tr phải giao hai biên lai thu tiền trước đó cho bà V để bà làm thủ tục.

Từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm bà V không cung cấp thêm được chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo của mình, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà V buộc ông Tr và bà H trả cho bà V số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi: Xét yêu cầu của bà V là yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng là chưa phù hợp, bởi lẽ đây là hợp đồng vay không có lãi được xác lập trước ngày 01/01/2017 thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết thì lãi suất chỉ được tính theo lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả. Việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC để tính lãi với lãi suất 0,75%/tháng của số tiền 20.000.000 đồng từ ngày 04/4/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.555.000 đồng và số tiền 10.004.911 đồng từ ngày 27/5/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.298.000 đồng là có căn cứ và phù hợp.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị V là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị V là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 1 điều 308, khoản điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 471, 474 và điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V.

Buộc ông Lê Văn Tr và bà Nguyễn Thị Bích H có nghĩa vụ L đới trả cho bà Lê Thị V số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và 18.853.000 đồng. Tổng cộng ông Tr và bà H có nghĩa vụ L đới trả cho bà V số tiền là 48.853.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Bà Lê Thị V được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà V 10.667.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 19008 ngày 22/11/2017 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 19756 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ông Lê Văn Tr và bà Nguyễn Thị Bích H L đới chịu 2.442.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bà Lê Thị V yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn Tr và bà Nguyễn Thị Bích H chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với thời gian chậm thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo điều 357 Bộ luật dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa



thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Tuyết Linh**